

Số: 21/BC-UBND

Quảng Thành, ngày 28 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 - 2030

PHẦN THỨ NHẤT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể

Giai đoạn 2011 - 2020, Ủy ban nhân dân xã luôn quan tâm đến việc đẩy mạnh cải cách hành chính ở địa phương, luôn xác định công tác cải cách hành chính vừa là mục tiêu, vừa là giải pháp quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; góp phần phòng ngừa và hạn chế tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy chính quyền. Từ mục tiêu quan trọng đó, cấp ủy, chính quyền địa phương đưa vào Nghị quyết Đảng ủy, HĐND xã chương trình cải cách hành là một trong những chương trình trọng điểm của xã.

Cấp ủy, chính quyền địa phương phát huy vai trò chỉ đạo, điều hành và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; đồng thời cùng phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể xã để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính ở xã nhằm thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác cải cách hành chính, tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh và huyện ban hành trong suốt giai đoạn 2011 - 2020, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, công chức trong cơ quan.

Quán triệt tổ chức triển khai thực hiện các văn bản sau:

- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số [225/QĐ-TTg](#) ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 22/5/2013 về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số 20/QĐ-BCĐCCHC ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030;

- Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 08/10/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 20/7/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2016-2020;

Qua việc phổ biến, quán triệt mục tiêu và nội dung cải cách hành chính, cán bộ, công chức xã đã nhận thức sâu sắc kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính tổng thể giai đoạn 2011 - 2020. Giai đoạn 2011 - 2020 là giai đoạn tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quản lý, điều hành công việc cũng đã góp phần nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính của xã.

1.2. Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai công tác cải cách hành chính.

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 22/5/2013 về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 08/10/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày

20/7/2016 của Tỉnh uỷ về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2016-2020.

Theo Kế hoạch cải cách hành chính của UBND huyện giai đoạn 2011-2020, UBND xã đã ban hành kế hoạch cải cách hành chính xã theo từng năm và phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ công chức. UBND xã đã cử Cán bộ, Công chức tham gia tập huấn công tác cải cách hành chính do tỉnh, huyện tổ chức, trên cơ sở đó triển khai phổ biến cho cán bộ, công chức xã về chủ trương, nhiệm vụ cải cách hành chính, các văn bản chỉ đạo của tỉnh, huyện về công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020.

UBND xã đã tổ chức thực hiện theo kế hoạch, hoàn thành cơ bản các nội dung như tổ chức chỉ đạo, điều hành công tác tuyên truyền cải cách hành chính, công tác cải cách thể chế, cải cách thủ tục và cải cách bộ máy hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức. Thực hiện tốt các danh mục thủ tục hành chính tại địa phương theo đúng quy định danh mục của UBND tỉnh đã ban hành.

Đã chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án xây dựng Bộ phận TN&TKQ hiện đại theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành khai trương Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã Quảng Thành theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND huyện.

Đảng ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân xã đã tiếp tục tập trung cải cách TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông và đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác CCHC với nhiều giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC trên địa bàn xã. Trên cơ sở đó, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 30a/KH-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2016 về Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020.

- Ngoài ra UBND đã ban hành các văn bản khác để chỉ đạo điều hành chương trình hành động cải cách hành chính.

- Hàng năm, UBND xã đã ban hành Quyết định phân công thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính của xã Quảng Thành; Kế hoạch đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhà nước; ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên bàn xã; ban hành Quyết định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và người lao động làm việc trong UBND xã.

- Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy tắc ứng xử trong việc tiếp nhận và giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức.

- Cử cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các cuộc họp do lãnh đạo UBND huyện tổ chức, thực hiện và duy trì chế độ giao đầu tuần theo quy chế UBND xã.

- Thực hiện đúng quy định đi công tác ngoài địa phương.

- Thực hiện nghiêm quy chế làm việc của UBND huyện; chấp hành sự chỉ đạo, điều hành, kết luận của lãnh đạo huyện.

1.3. Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực).

UBND xã bố trí đầy đủ kinh phí hàng năm để thực hiện CCHC, ưu tiên để chi trả hỗ trợ kinh phí cho bộ phận TN và TKQ hàng tháng, hỗ trợ may đồng phục cho công chức tiếp nhận tại bộ phận TN và TKQ, bố trí kinh phí để đầu tư một số trang thiết bị cần thiết cho Bộ phận TN và TKQ.

Bố trí 08 cán bộ, công chức trong đó: 01 Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Bộ phận, 06 công chức thuộc lĩnh vực Văn phòng - thống kê, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội, Địa chính - Xây dựng, 01 Phó công an xã và 01 cán bộ văn thư - thủ quỹ phụ trách thu phí lệ phí cho cá nhân, tổ chức.

1.4. Công tác theo dõi, đánh giá (đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; đánh giá sự hài lòng của cơ quan, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước).

UBND xã tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức khi đến giao dịch TTHC hàng quý, năm. Tổng số phiếu khảo sát 1.125 phiếu.

1.5. Những mô hình, sáng kiến trong cải cách hành chính đã được triển khai áp dụng.

Trong 5 năm qua UBND xã đã có nhiều mô hình, sáng kiến trong cải cách hành chính được triển khai áp dụng như:

+ Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ, cán bộ công chức cấp xã.

+ Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong Cải cách hành chính đồng thời đưa ra giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến ở cơ quan hành chính.

+ Một số giải pháp nâng cao hoạt động tại bộ phận Một cửa xã Quảng Thành.

1.6. Công tác thi đua khen thưởng trong cải cách hành chính.

Xác định việc thực hiện các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính và chế độ thông tin báo cáo kịp thời, đầy đủ là tiêu chí quan trọng để bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm đối với từng cán bộ, công chức; việc bình xét khen thưởng còn dựa trên kết quả khảo sát đánh giá mức độ, hài lòng của người dân,

tổ chức đến giao dịch tại cơ quan Ủy ban nhân dân xã. Hàng năm UBND xã tổ chức hội nghị sơ kết và tổng kết CCHC và đã tiến hành khen thưởng cho các tập thể và cá nhân.

2. Kiểm tra việc thực hiện

- Hàng năm UBND xã ban hành Kế hoạch tự kiểm tra cải cách hành chính, trên cơ sở Kế hoạch hàng năm UBND đều tổ chức tự kiểm tra giữa các ngành UBND xã.

Việc kiểm tra công tác CCHC được tiến hành nghiêm túc, đúng kế hoạch đã đề ra. Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành tổ chức kiểm tra chéo giữa các bộ phận chuyên môn Ủy ban nhân dân xã, kiểm tra đột xuất việc chấp hành giờ giấc theo quy chế làm việc, kiểm tra việc giải quyết hồ sơ của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, việc niêm yết các TTHC, việc xây dựng và áp dụng các quy trình ISO, quản lý văn bản đi và văn bản đến trên phần mềm dùng chung, đăng tải tin tức lên trang thông tin điện tử...

3. Thông tin, tuyên truyền

Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về công tác cải cách hành chính. Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành đã ban hành kế hoạch về tuyên truyền cải cách hành chính hằng năm. Chỉ đạo bộ phận văn hóa thông tin thường xuyên tuyên truyền công tác cải cách hành chính, các văn bản chỉ đạo, điều hành của các cấp cũng như của Ủy ban nhân dân xã về công tác cải cách hành chính trên loa phát thanh của xã, đăng tải trên trang thông tin điện tử xã, lồng ghép vào các cuộc giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết để tuyên truyền cho CBCC.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được:

Cấp ủy Đảng đã có sự chỉ đạo cụ thể đề ra nghị quyết để chỉ đạo thực hiện. Đồng thời được sự hướng dẫn giúp đỡ của các cơ quan cấp trên.

Công khai đầy đủ các thủ tục hành chính tại cơ quan và tuyên truyền trên mọi thông tin đại chúng để phục vụ tốt công tác cải cách.

Đội ngũ cán bộ nhiệt tình, năng động, luôn luôn tiếp thu các ý kiến đóng góp của cán bộ, nhân dân. Thường xuyên rèn luyện học hỏi nâng cao nghiệp vụ để phục vụ tốt cho nhân dân.

Tài chính công được công khai, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã đi vào hoạt động có hiệu quả, đã làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu và bộ phận tham mưu giúp việc của từng ngành thuộc xã.

b) Tồn tại, hạn chế

Phần lớn cán bộ, công chức chưa được đào tạo một cách bài bản, một số cán bộ lớn tuổi áp dụng công nghệ thông tin chưa thành thạo nên vẫn ảnh hưởng một phần trong thực hiện công việc.

Một số hồ sơ phức tạp như đất đai, xây dựng, hồ sơ chính sách xã hội giải quyết chưa đảm bảo thời gian quy định, còn để kéo dài, chưa đáp ứng đầy đủ cho người dân.

*** Phụ lục kèm theo: Phụ lục 1** *Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của địa phương.*

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước:

Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã ban hành đều được các ban, ngành tham mưu soạn thảo, sau đó tổ chức lấy ý kiến và chuyển cho công chức Tư pháp - Hộ tịch thẩm định. Văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; phạm vi, đối tượng điều chỉnh và tính thống nhất của văn bản.

- Từ năm 2015-2020: Trên địa bàn xã đã ban hành 11 văn bản QPPL (gồm 10 Nghị quyết và 01 Quyết định).

Công tác thẩm định, góp ý văn bản QPPL được chú trọng, nâng cao chất lượng, đảm bảo đúng quy định. Đã thẩm định 14 văn bản QPPL, chất lượng thẩm định đảm bảo kịp thời, chính xác, chất lượng ngày càng cao, đã được người soạn thảo tiếp thu, thực hiện nghiêm túc.

Đã tiến hành rà soát 10 Nghị quyết và 01 Quyết định, các văn bản đều đảm bảo về trình tự, thủ tục và quy định của Pháp luật.

- Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: Thường xuyên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật qua các năm, từ năm 2015 đến tháng 3/2020: Đã kiểm tra 11 văn bản QPPL do HĐND và UBND xã ban hành gồm (10 Nghị quyết và 01 Quyết định).

Nhìn chung qua kiểm tra, các văn bản QPPL do HĐND và UBND xã ban hành đã được nâng cao về chất lượng, tuy nhiên vẫn còn sai sót về thể thức văn bản và thời gian thi hành hiệu lực, cụ thể trong năm 2015, 2016, các năm tiếp theo đã ban hành đúng quy định và chất lượng.

b) Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị:

Hàng năm UBND xã đã ban hành các Kế hoạch về phổ biến giáo dục pháp luật, đã tổ chức các Hội nghị triển khai các Luật, Nghị định của Chính phủ mới ban hành như: Luật phòng chống tham nhũng, Luật chăn nuôi, Luật quản lý thuế, Luật đầu tư công, Luật thi hành án hình sự, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC trên địa bàn xã.

*** Phụ lục kèm theo:** *Phụ lục 2 Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế của địa phương*

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành, tỉnh.

Hàng năm UBND xã đã ban hành các văn bản, kế hoạch xác định các nội dung cần phải tập trung cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của UBND tỉnh và UBND huyện; kiểm soát TTHC, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, đảm bảo công khai, minh bạch các thông tin về TTHC nhằm tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, thực hiện TTHC.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo các quy định;

Văn phòng - thống kê xã đã tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai chủ động rà soát, cập nhật thống kê các thủ tục hành chính mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ trong bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC theo quy định; triển khai thực hiện các quy định về tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với TTHC và quy định hành chính liên quan.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính theo NĐCP ngày 14/02/2008 của Chính phủ và Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND tỉnh được thực hiện thường xuyên, đúng quy định. Tuy vậy trong những năm qua, việc phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về quy định hành chính chưa phát sinh.

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ, tỉnh.

Các TTHC của Tỉnh và huyện công bố đều được UBND xã niêm yết, công khai đầy đủ, rõ ràng tại Bộ phận TN&TKQ hiện đại xã, niêm yết công khai địa chỉ phản ánh, kiến nghị, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên trang thông tin

điện tử của xã. Hiện nay UBND xã đang thực hiện tiếp nhận 152/152 TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (Trong đó 97 TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, 55 TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông) với 14 lĩnh vực theo Quyết định 1462/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh.

d) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của cơ quan, đơn vị đã được UBND tỉnh công bố áp dụng tại Bộ phận TN và TKQ tại thời điểm báo cáo: 152 trong đó: Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa: 97; Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông: 55 TTHC.

(Phụ lục giải quyết hồ sơ TTHC kèm theo)

- Việc ban hành các quy định về thành lập quy chế, cơ chế phối hợp trong giải quyết TTHC; đổi mới quy trình, lề lối làm việc để nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC của tổ chức, công dân.

UBND xã đã ban hành Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động tại Bộ phận TN&TKQ xã.

Thực hiện nghiêm trách nhiệm giải trình trong hoạt động tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả TTHC theo quy định pháp luật của từng cán bộ, công chức, cơ quan có thẩm quyền.

- Trang bị cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

Đã đưa vào sử dụng thống nhất phần mềm Xử lý dịch vụ công tập trung tỉnh để thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ TTHC tại Bộ phận TN&TKQ.

- Việc bố trí công chức đáp ứng yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần thái độ phục vụ và thực hiện chế độ chính sách đối với công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả .

Số lượng thành viên Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã Quảng Thành gồm có 08 người; trong đó, Chủ tịch UBND xã là Trưởng Bộ phận; 06 thành viên là công chức của các bộ phận: Văn phòng - Thống kê, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hoá - Xã hội, Địa chính - Xây dựng, 01 Phó công an làm nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và 01 cán bộ bán chuyên trách Văn thư - thủ quỹ làm nhiệm vụ hướng dẫn và thu phí, lệ phí, và trả kết quả.

- Về khảo sát mức độ hài lòng theo Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC ở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện nghiêm túc, thường xuyên việc phát phiếu khảo sát; trong thời gian từ tháng 10/2018 đến ngày 31/3/2020 đã thực hiện 1.125 phiếu khảo sát đối với các công chức tại Bộ phận TN&TKQ xã, qua các đợt khảo sát cho thấy mức độ hài lòng về sự phục vụ của hành chính đối với công dân, tổ chức được nâng lên. Mức độ hài lòng đạt 100%.

Về thực hiện nghiêm túc Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về trách nhiệm công khai xin lỗi của cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện công khai Quyết định theo quy định. Từ tháng 11/2018 đến 31/3/2020, Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện công khai xin lỗi 41 trường hợp trễ hẹn trong giải quyết TTHC lĩnh vực Đất đai (30), Người có công (01), Hộ tịch (01) Bảo trợ xã hội (09).

đ) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Qua các năm, UBND xã chưa phát sinh hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4, do người dân chưa biết sử dụng CNTT nên chưa thực hiện giao dịch qua môi trường mạng.

e) Kết quả giải quyết TTHC

- Năm 2015: Đã tiếp nhận và giải quyết 2.359 hồ sơ
- Năm 2016: Đã tiếp nhận và giải quyết 3.445 hồ sơ
- Năm 2017: Đã tiếp nhận và giải quyết 6.724 hồ sơ
- Năm 2018: Đã tiếp nhận và giải quyết 8.793 hồ sơ
- Năm 2019: Đã tiếp nhận và giải quyết 8.082 hồ sơ
- Đến tháng 3/2020: Đã tiếp nhận và giải quyết 897 hồ sơ

ê) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

Sau hơn 01 năm triển khai thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích đã mang lại nhiều kết quả tích cực, đã giúp bộ phận giải quyết TTHC nâng cao hiệu quả xử lý các TTHC, tiết kiệm thời gian, giảm áp lực trong quá trình giải quyết công việc. Tổng số hồ sơ nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích từ tháng 3/2019 đến nay là: 104 hồ sơ.

g) Sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

UBND xã đã có những sáng kiến và giải pháp để cải cách TTHC như: Đã rút ngắn thời gian giải quyết dài ngày thành ngày đối với thủ tục Xác nhận tình trạng hôn nhân (từ 03 ngày còn 01 ngày). Đối với những hồ sơ bị trễ hẹn do

lỗi về sự cố kỹ thuật, Ủy ban nhân dân xã sẽ chỉ đạo Bộ phận TN&TKQ viết thư xin lỗi và chuyển trả kết quả miễn phí đến tận nhà cho người dân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

- Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của UBND cấp xã.

Tổ chức bộ máy UBND xã được tổ chức theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiệu quả, tránh được sự chồng chéo, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

- Tình hình biên chế; thực hiện tinh giản biên chế của xã.

Thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế của Ủy ban nhân dân huyện cũng như theo Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2016-2021 của UBND xã, UBND xã có 01 cán bộ xin được nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính Phủ.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của xã.

UBND xã đã ban hành quy chế làm việc, quy chế tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông, và ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ công chức và người lao động, đã được cán bộ, công chức thực hiện nghiêm túc giờ giấc làm việc, thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức khi đến giao dịch.

- Việc rà soát lại, sáp nhập thôn, tổ dân phố nhằm giảm đầu mối, giảm số người hoạt động không chuyên trách; việc thực hiện bí thư kiêm trưởng thôn (thuận lợi, khó khăn).

* Việc thực hiện bí thư kiêm trưởng thôn: Hiện nay trên địa bàn xã có 03 thôn là Bí thư kiêm trưởng thôn.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

- Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức; kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Hàng năm UBND xã đều ban hành các Kế hoạch, chỉ thị về đẩy mạnh công tác CCHC, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan. Đội ngũ cán bộ, công chức xã nghiêm chỉnh chấp hành các quy định, quy chế trong thực thi công vụ, văn hóa công sở, về trang phục của CBCC đảm bảo gọn gàng, lịch sự, phòng làm việc được bố trí gọn gàng, hợp lý, thuận tiện cho người dân và các tổ chức cá nhân khi đến giao dịch.

- Tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC hàng năm của đơn vị. (Trong đó, thống kê số lượng CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng; đánh giá kết quả thực hiện so với yêu cầu kế hoạch).

Về số lượng, chất lượng đội ngũ CBCC: Tính đến ngày 31/3/2020 có 21 CBCC, trong đó:

Cán bộ: 09 đ/c (Thạc sĩ: 01 tỷ lệ 11%, Đại học 6 tỷ lệ 67%, Trung cấp: 02 tỷ lệ 22%).

Công chức: 12 đ/c (Đại học 14 tỷ lệ 100%).

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

UBND xã thường xuyên các cuộc họp giao ban thống nhất thu ngân sách xã, tuyên truyền đến các cá nhân tổ chức thuộc diện kê khai, nộp thuế, quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, góp phần nâng cao nhận thức của CBCC và cá nhân về nghĩa vụ nộp thuế.

Các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã đều được chi trả kịp thời và đúng đối tượng.

b) Thực hiện quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách.

UBND xã đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, ban hành Quyết định công khai thu chi ngân sách. Đồng thời công khai thu - chi ngân sách trong hai kỳ họp HĐND xã.

Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện tốt Quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ Tướng Chính Phủ, có bảng công khai tài chính, công khai đầy đủ, rõ ràng các báo cáo thu chi hàng tháng. Trong quá trình thực hiện chi khoán ngân sách không vượt quá quy định nhà nước từ đó tiết kiệm được kinh phí để trang bị và đầu tư cơ sở vật chất cũng như chi trả tăng thêm cho cán bộ, công chức. Đồng thời đã nâng cao chất lượng hoạt động, khai thác tốt năng lực phục vụ chuyên môn của cán bộ, công chức; phát huy tính tích cực, dân chủ trong cơ quan về việc thực hiện cuộc vận động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Thực hiện cơ chế quản lý tài chính đối với đơn vị.

- UBND xã đã thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính Phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 130/2005/NĐ-CP) và đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập;

- Trong những năm qua công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực để chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục thể thao trên địa bàn xã được chú trọng.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Đã ban hành các chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm hàng năm.

Ủy ban nhân dân xã thường xuyên lồng ghép công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về Luật thực hành tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí trong các buổi họp giao ban hàng tuần, hàng quý. Hàng năm tiến hành kê khai tài sản, thu nhập đối với các cán bộ, công chức thuộc diện kê khai báo cáo cấp trên đúng quy định; đảm bảo công khai, minh bạch.

6. Hiện đại hóa hành chính

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT; Tình hình thực hiện và mức độ hoàn thành kế hoạch;

UBND xã đã ban hành các Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2019 về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước xã Quảng Thành năm 2020. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin đã đi vào hoạt động ổn định, đã sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung và các phần mềm để thực hiện công tác chuyên môn.

Chỉ đạo cán bộ, công chức sử dụng mail công vụ để trao đổi công việc đạt tỷ lệ 95%. Thường xuyên số hóa lưu trữ và luân chuyển hồ sơ trên phần mềm dùng chung, quản lý văn bản đi và văn bản đến đúng theo quy trình.

Thường xuyên duy trì và hoàn thiện trang thông tin điện tử xã để cập nhật những thông tin, tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đồng thời cập nhật, đăng tải các TTHC nhằm giúp cho tổ chức và công dân thuận tiện trong giao dịch công việc.

+ Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng (*tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng*).

+ Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (*nêu rõ số dịch vụ cung cấp, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ, số hồ sơ được giải quyết trực tuyến*).

- Qua các năm thực hiện UBND xã chưa phát sinh hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4, do người dân chưa biết sử dụng CNTT.

- Tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001: 2015 tại đơn vị.

Nhằm triển khai duy trì, áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 vào hoạt động của Ủy ban nhân dân xã. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các kế hoạch về triển khai duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015. Đồng thời ban hành các quyết định về Mục tiêu chất lượng, chính sách chất lượng.

Đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn rà soát và xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC đảm bảo đúng quy định. Tổ chức đánh giá nội bộ vào cuối tháng 10 hàng năm.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

Cấp ủy Đảng đã có sự chỉ đạo cụ thể đề ra nghị quyết để chỉ đạo thực hiện. Đồng thời được sự hướng dẫn giúp đỡ của các cơ quan cấp trên. Công khai đầy đủ các thủ tục hành chính tại cơ quan và tuyên truyền trên mọi thông tin đại chúng để phục vụ tốt công tác cải cách. Đội ngũ cán bộ nhiệt tình, năng động, luôn luôn tiếp thu các ý kiến đóng góp của cán bộ, nhân dân. Thường xuyên rèn luyện học hỏi nâng cao nghiệp vụ để phục vụ tốt cho nhân dân. Tài chính công được công khai, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã đi vào hoạt động có hiệu quả, đã làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu và bộ phận tham mưu giúp việc của từng ngành thuộc xã.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Một số công chức mới triển khai áp dụng quy trình TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, thao tác phần mềm Xử lý dịch vụ công chưa thành thạo; còn vướng mắc, lỗi phần mềm Xử lý dịch vụ công, hệ thống đường truyền mạng; đầu mối ứng dụng công nghệ thông tin ở xã chủ yếu kiêm nhiệm, chưa được đào tạo về chuyên môn.

- Sự phối hợp giải quyết công việc của các ban ngành đoàn thể với cán bộ công chức thiếu chặt chẽ, do chưa có phần mềm liên kết các ban ngành, đoàn thể.

- Ngoài việc giải quyết thủ tục hành chính còn giao thêm nhiều mảng công tác khác nên gặp quá nhiều khó khăn phải thường xuyên đi làm ngoài giờ.

- Máy photo copy có kèm theo chức năng scan chỉ kết nối dây được với 1 máy chủ, không chia sẻ trong nội bộ được, nên mỗi lúc scan phải thao tác trên máy người khác. Máy scan không hỗ trợ chức năng scan nâng cao (tự động tách trang, tách file, xóa trang trắng), nên sau khi scan hồ sơ phải tách file bằng phương pháp thủ công gây mất nhiều thời gian cho người xử lý. (Thực tế đã làm: Scan, tách file 10 bộ hồ sơ cấp đổi phải mất 01 buổi.)

- Hồ sơ liên thông đã có thông báo bổ sung (trả hồ sơ) trên phần mềm, nhưng bộ hồ sơ gốc gửi trả cho bộ phận tiếp nhận cấp xã rất dài thời gian.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước; mở rộng dân chủ, huy động các tổ chức đoàn thể, xã hội và nhân dân tham gia giám sát, kiểm tra và thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; lấy kết quả việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước làm cơ sở để đánh giá, sử dụng, đề bạt và khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công chức.

PHẦN THỨ HAI

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2020 - 2030

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại các Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh, UBND huyện.

- Thực hiện chỉ đạo công tác cải cách hành chính theo đúng kế hoạch đề ra. Bố trí kinh phí đảm bảo phục vụ công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức.

- Tổ chức tuyên truyền CCHC sâu, rộng, tăng cường tin bài trên đài phát thanh và truyền hình của xã, trang thông tin điện tử của xã.

- Tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính.

2. Cải cách thể chế:

Tích cực thực hiện có chất lượng, hiệu quả Chương trình xây dựng văn bản QPPL, Kế hoạch triển khai rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL để phát huy hiệu lực, hiệu quả vai trò quản lý nhà nước.

3. Cải cách Thủ tục hành chính:

Tiếp tục rà soát, đánh giá TTHC nhằm phát hiện những vướng mắc, chồng chéo trong quá trình thực hiện TTHC hay những quy định của các văn bản cấp trên không còn phù hợp để kịp thời kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền thay đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ cho phù hợp với thực tiễn áp dụng. Rà soát đề xuất TTHC cần rà soát trong năm theo yêu cầu của UBND tỉnh, UBND huyện.

4. Tổ chức bộ máy:

- Rà soát, kiện toàn, sắp xếp lại chức năng, nhiệm vụ các ban ngành chuyên môn, phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ công chức, rà soát phân công kịp thời khi có sự thay đổi.

5. Xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức:

Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của tỉnh, huyện để cử cán bộ, công chức tham gia các khoá học nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, kỹ năng tin học văn phòng.

Tăng cường khả năng và hiệu quả phối hợp trong hoạt động quản lý nhà nước về cải cách hành chính.

Đảm bảo cơ cấu cán bộ, công chức phù hợp với vị trí làm việc.

Thực hiện nghiêm túc quy định về sơ tuyển dụng, sử dụng, đánh giá và công tác quản lý cán bộ, công chức, thực hiện chính sách tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công đúng luật.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đạo đức, có kỷ luật, kỷ cương hành chính, đặc biệt là bộ phận công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính.

6. Cải cách tài chính công:

Thực hiện các chính sách thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội kịp thời, đúng Luật, đúng đối tượng.

Thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, sử dụng kinh phí hợp lý tránh thất thoát, lãng phí tạo điều kiện tăng thu nhập thêm cho cán bộ công chức.

Thực hiện nhiệm vụ cải cách tài chính công, tập trung vào đánh giá hiệu quả, tác động của Quy chế chi tiêu nội bộ hiện đang áp dụng để tiếp tục hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ của UBND xã cho phù hợp với yêu cầu mới.

7. Hiện đại hóa nền hành chính:

Tiếp tục duy trì và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan. Thường xuyên tổ chức đánh giá nội bộ để rút ra những ưu điểm để phát huy và những mặt hạn chế để

khắc phục, từng bước hoàn thiện thực hiện giải quyết TTHC theo quy trình đã xây dựng.

Sử dụng hệ thống phần mềm Quản lý văn bản đi, văn bản đến đúng quy trình. Số hóa, lưu trữ hồ sơ trên phần mềm dùng chung 100%.

Sử dụng chứng thư số và chữ ký số trên văn bản điện tử đạt 100%.

Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận một cửa của xã, thường xuyên cập nhật kịp thời bộ danh mục các thủ tục hành chính của xã.

PHẦN THỨ BA

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Quy trình đăng ký và cấp Giấy CNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu: Thời hạn giải quyết: nên tính 45 ngày làm việc, kể từ lúc nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó đã tính thêm 15 ngày niêm yết)

2. Đối với quy trình thủ tục liên thông: Kết quả trả cho công dân sau khi Trung tâm Hành chính công đã giải quyết, có kết quả nên chuyển về lại cho xã để người dân đến nhận kết quả tại xã.

3. Cơ quan BHYT cần quan tâm hơn đến những trường hợp này để Bộ phận một cửa trả hồ sơ cho người dân sớm hơn và đảm bảo mức độ hài lòng của người dân khi đến nộp hồ sơ và nhận kết quả tại bộ phận một cửa UBND xã.

Trên đây là báo cáo Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 – 2030 của UBND xã Quảng Thành./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Lưu: VT./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Dạ Thảo

Phụ lục 1
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính
của địa phương
(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 28/4/2020 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị					Năm 2020 (Tính đến 31/3)
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	
1	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành	10	17	12	20	15	11
	- Văn bản của cấp ủy cùng cấp		2	1	1	1	1
	- Văn bản của cơ quan, đơn vị	10	15	11	19	14	10
2	Tuyên truyền CCHC						
-	Tham cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tham gia = 1; Không tổ chức = 0)				1		
-	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PTTH xã, trang TT điện tử xã				19	23	9
-	Số lớp tham gia tập huấn chuyên đề CCHC	01	01	01	01	01	0
-	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Trang/Cổng TTĐT (Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)				0	0	0
-	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).	Khẩu hiệu, Pano	Khẩu hiệu, Pano	Khẩu hiệu, Pano	Khẩu hiệu, Pano	Khẩu hiệu, Pano	Khẩu hiệu, Pano
3	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng	1	1	1	1	1	1
4	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức				85	657	383
	Số lượng dịch vụ đã khảo sát				85	657	383
	Số lượng mẫu đã khảo sát				85	657	383
	Mức độ hài lòng chung				100	100	100

Phụ lục 2**Thông kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế của địa phương**
(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 28/4/2020 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Các đơn vị					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành	02	02	02	02	02	00
	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	02	02	02	02	02	00
	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	0	01	0	0	0	0
2	Số VBQPPL được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát	0	0	0	0	0	0
3	Số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát	0	0	0	0	0	0
4	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	02	03	02	02	02	00
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền	0	0	0	0	0	0
6	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý	0	0	0	0	0	0
7	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm	0	0	0	0	0	0

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Các đơn vị					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	pháp luật						

Phụ lục 3
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính
của các ngành, địa phương

(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 28/4/2020 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị					Năm 2020 (Tính đến 31/3)
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	
1.	Tổng số TTHC của đơn vị, địa phương	174	174	153	119	132	152
-	<i>Số lượng TTHC cấp xã</i>	174	174	153	119	132	152
2.	Số TTHC được đơn giản hóa sau rà soát (theo thẩm quyền của tỉnh, như: giảm thời gian giải quyết...)						
3.	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Trang Thông tin điện tử						
4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông						
-	<i>Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã</i>						
-	<i>Số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền</i>						
5.	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC						

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
-	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)</i>						
6.	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC	0	0	0	0	0	0
-	<i>Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm</i>	0	0	0	0	0	0
-	<i>Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm</i>	0	0	0	0	0	0
-	<i>Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT</i>	0	0	0	0	0	0

Phụ lục 4**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các ngành, địa phương***(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 28/4/2020 của UBND xã Quảng Thành)*

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tổng số biên chế cán bộ, công chức						
-	<i>Tổng số được giao</i>		23	23	23	23	21
-	<i>Tổng số có mặt</i>		23	23	23	23	21
2.	Tổng số biên chế viên chức						
-	<i>Tổng số được giao</i>						
-	<i>Tổng số có mặt</i>						
3.	Số công chức được tuyển dụng theo hình thức thi cạnh tranh						11
4.	Số công chức được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển cạnh tranh						
5.	Số lượng cán bộ, công chức được tinh giản biên chế	0	0	01	0	0	0
6.	Số lượng công chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm	23	29	33	35	46	15
7.	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập						

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	huấn hàng năm						
8.	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng	01	01	01	02	03	00

Phụ lục 5
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công của
các ngành, địa phương
(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 28/4/2020 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ	1	1	1	1	1	1
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư</i>						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên</i>						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên</i>						
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư</i>						

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên</i>						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên</i>						
5	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP						

Phụ lục 6
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực hiện đại hóa hành chính
của các cơ quan, đơn vị, địa phương
(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 28/4/2020 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tỷ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử				80%	95%	100%
2.	Số đơn vị kết nối Trục liên thông VBQG						
3.	Số lượng văn bản nhận trên Trục liên thông VBQG						
4.	Số lượng văn bản gửi trên Trục liên thông VBQG						
5.	Số lượng chữ ký số				03	13	12
6.	Tỷ lệ công chức có hộp thư điện tử				80%	85%	85%
7.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản						
8.	Số cơ chuyên môn cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc						
9.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện có Cổng/Trang Thông tin						

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	điện tử						
10.	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4					0	0
11.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ						
12.	Số đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm một cửa điện tử	1	1	1	1	1	1
13.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử			100%	100%	100%	100%
14.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện, cấp xã có bản Công bố ISO	1	1	1	1	1	1

Phụ lục 7

Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước của các ngành, địa phương giai đoạn 2011-2020

(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 28/4/2020 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1.	Thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước	Đạt
2.	Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020	Đạt
3.	Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị để không còn sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	Đạt
4.	Chuyên giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận	
5.	Sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80% vào năm 2020	Đạt
6.	Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020	
7.	Đội ngũ công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan, đơn vị có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm;	Đạt
8.	Đến năm 2020: 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các giao dịch của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực	Đạt

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
	tuyên trên Mạng thông tin điện tử hành chính ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau	
9.	Các trang tin, cổng thông tin điện tử hoàn thành việc kết nối với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, hình thành đầy đủ Mạng thông tin điện tử hành chính trên Internet	
10.	20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cơ quan	
11.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng bộ, ngành đạt từ 20% trở lên; tích hợp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các bộ, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử	
12.	Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Cổng Thông tin điện tử công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.	Không đạt
13.	100% phần mềm quản lý văn bản và điều hành của các đơn vị được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	Đạt
14.	Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung	

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
	mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.	
15.	Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.	Đạt
16.	100% cơ quan kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Đạt